

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày: 21 - 01 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1959; địa chỉ: Đội 5, xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 và bà Trần Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 18, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Đội 5, xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08-11-2020 và lời khai trong quá trình tố tụng , nguyên đơn ông Nguyễn Đình L trình bày:

Do quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T làm nghề buôn bán xe máy cũ nên vợ chồng ông C đã vay tiền của vợ chồng ông nhiều lần. Đến ngày 17-4-2019, vợ chồng ông C viết giấy chót nợ tổng số tiền vay là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và cam kết thế chấp căn nhà mặt đường Quốc lộ 37B tại xóm 18, xã H, huyện H của vợ chồng ông C. Ngày 27-6-2019 ông C vay tiếp

200.000.000 đồng và ngày 05-5-2020 ông C vay tiếp 120.000.000 đồng. Hai lần vay này ông C trực tiếp nhận tiền và viết giấy biên nhận, ký tên đưa bản gốc cho vợ chồng ông giữ. Sau đó vợ ông C là bà T đã ký xác nhận tổng hai lần vay trên là 320.000.000 đồng vào giấy biên nhận gốc. Tất cả các lần vay đều có thỏa thuận lãi là 1%/tháng nhưng chỉ nói miệng, vợ chồng ông C có trả lãi nhưng do không ghi chép lại nên ông không nhớ đã nhận bao nhiêu lãi. Tổng cộng vợ chồng ông C còn nợ vợ chồng ông số tiền gốc là 1.320.000.000đ (Một tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng).

Do đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông C chỉ khát nợ nên ông đã khởi kiện đến Tòa án giải quyết. Ngày 23/11/2020 được Tòa án tổ chức hòa giải, vợ chồng ông và vợ chồng ông C đã thống nhất thỏa thuận vợ chồng ông C phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc là 1.320.000.000 đồng, trả làm hai lần trong thời hạn 02 năm, lãi suất là 1%/tháng. Sau đó vợ chồng ông nhận thấy nếu kéo dài thời hạn 02 năm dễ làm cho vợ chồng ông C tìm cách tẩu tán tài sản trốn tránh việc trả nợ nên đã làm đơn đề nghị thay đổi lại sự thỏa thuận, không đồng ý thỏa thuận về thời hạn trả nợ nữa thì vợ chồng ông C lại không chấp nhận thỏa thuận lại.

Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông C, bà T phải trả số tiền gốc là 1.320.000.000đ; ông không yêu cầu tính lãi còn nợ nhưng yêu cầu được tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật sau khi Tòa án xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-11-2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T thống nhất trình bày:

Ông bà làm nghề kinh doanh xe mô tô cũ tại nhà, do cần vốn để kinh doanh nên đã vay của vợ chồng ông L, bà H nhiều lần với lãi suất thỏa thuận miệng từ 3%/tháng đến 3,9%/ tháng. Do làm kinh tế không thuận lợi nên ông bà không trả được nợ gốc và lãi đúng hạn cho vợ chồng ông L, bà H. Ông bà công nhận có viết các giấy biên nhận vay tiền của vợ chồng ông L tổng số tiền là 1.320.000.000đ (Một tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng). Ông bà nhất trí trả nợ nhưng do làm ăn kinh tế đang gặp khó khăn nên xin được trả nợ dần trong thời hạn 02 năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đình L, bà Mai Thị H số tiền 1.320.000.000 đồng; về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn là phù hợp pháp luật.

[2] Về số tiền vay: Ông Nguyễn Đình L yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T phải trả nợ số tiền gốc đã vay là 1.320.000.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 02 giấy biên nhận viết tay ghi các ngày 17-4-2019, 27-6-2019 và 05-5-2020 với tổng số tiền nhận nợ là 1.320.000.000 đồng có chữ ký của người vay là ông C, bà T. Bị đơn là ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T đều công nhận có vay nợ của vợ chồng ông L, bà H số tiền trên để làm ăn buôn bán, có viết và ký tên trong các giấy biên nhận do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là đúng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có căn cứ xác định vợ chồng ông C, bà T đã vay và còn nợ vợ chồng ông L, bà H tổng số tiền gốc là 1.320.000.000đ (Một tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng).

[3] Về việc trả nợ: Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, vợ chồng ông C, bà T đều công nhận còn nợ vợ chồng ông L, bà H số tiền 1.320.000.000 đồng và trình bày lý do chưa trả được nợ là do làm ăn kinh tế gặp khó khăn, xin được trả dần trong thời hạn 02 năm; sau đó ông C, bà T cho rằng đã trả lãi theo lãi suất quá cao cho vợ chồng ông L nên yêu cầu xem xét lại số tiền trả nợ. Tuy nhiên ông L, bà H không thừa nhận đã tính lãi suất cho vay vượt quá quy định của pháp luật, không đồng ý đề nghị trả nợ dần của vợ chồng ông C. Ông C, bà T cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã trả lãi theo mức lãi suất cao hơn quy định của pháp luật. Vì vậy ông C, bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ số tiền gốc là 1.320.000.000 đồng cho ông L, bà H là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi: Ông L, bà H tự nguyện không yêu cầu ông C, bà T phải trả lãi tính từ ngày nhận nợ đến ngày xét xử sơ thẩm nên không xem xét.

[5] Về việc thế chấp: Ông L, bà H cho rằng khi viết giấy biên nhận nợ ngày 17-4-2019, vợ chồng ông C đã cam kết thế chấp căn nhà mặt đường Quốc lộ 37B tại xóm 18, xã Hải Anh, huyện Hải Hậu của vợ chồng ông C. Tuy nhiên ông L, bà H thừa nhận hai bên không lập hợp đồng thế chấp; vợ chồng ông C cũng nói tài sản trên đang thế chấp tại Ngân hàng nên ông L, bà H không yêu cầu Tòa án xem xét xử lý tài sản là nhà đất của vợ chồng ông C nêu trên, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình L đối với ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đình L, bà Mai Thị H số tiền vay gốc là 1.320.000.000đ (Một tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T phải nộp 51.600.000đ (Năm mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- Đương sự: 04 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên